

*Thành phố Bến Tre, ngày 02 tháng 8 năm 2024*

Số: **82/2024/QĐST-DS**

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 273/2023/TLST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “*Đòi tài sản*”.

**XÉT THẤY:**

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số C ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Số B ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1963. Địa chỉ: F, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1958;

- Bà Phạm Huỳnh Quế A, sinh năm 2000.

- Cùng cư trú: Số F, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị N; ông Phạm Văn T; bà Phạm Huỳnh Quế A:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994. Cùng cư trú: Số C ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1944. Địa chỉ: Số A khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1937. Địa chỉ: Số A ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Đã chết).

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Huỳnh Thị N1:* Ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1944. Nơi cư trú: Số A khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Bà Huỳnh Thị N và ông Phạm Văn T có trách nhiệm di dời nhà ở và tài sản trên đất để giao trả cho bà Huỳnh Thị D phần đất có diện tích 265,2m<sup>2</sup> (vị trí

155b+155a+155c+ 155d) thuộc một phần thửa đất 155, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Tài sản trên đất như sau:

+ Ngôi nhà của bà Huỳnh Thị N và ông Phạm Văn T đang sử dụng diện tích 60.5m<sup>2</sup> có kết cấu: Cột bê tông cốt thép, vách xây gạch và tol không trần, mái lợp tol tráng kẽm, nền lát gạch ceramic và xi măng;

+ Nhà tạm có diện tích 22,1m<sup>2</sup>;

+ Khung tiền chế 1 có diện tích 12,54m<sup>2</sup>, có đặc điểm khung cột bê tông và gỗ, mái tol tráng kẽm, nền xi măng;

+ Khung tiền chế 2 có diện tích 10m<sup>2</sup>, có đặc điểm khung cột bê tông, mái tol tráng kẽm, nền xi măng;

+ Nhà tắm, nhà vệ sinh nền lát gạch ceramic, tường xây gạch, mái tol F;

+ Về cây trồng: 01 cây mẹ loại 1, 01 cây xoài loại.

- Bà Huỳnh Thị D có trách nhiệm giao trả cho bà Huỳnh Thị N và ông Phạm Văn T số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng, thời hạn và cách thức giao tiền như sau:

Lần 1: Ngày 02/10/2024 bà Huỳnh Thị D giao bà Huỳnh Thị N và ông Phạm Văn T số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Lần 2: Ngày 02/12/2024 bà Huỳnh Thị D giao bà Huỳnh Thị N và ông Phạm Văn T số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Lần 3: Ngày 16/02/2025 bà Huỳnh Thị D giao bà Huỳnh Thị N và ông Phạm Văn T số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng; số tiền lần giao thứ ba sẽ được bàn giao cùng lúc với việc bà Huỳnh Thị N và ông Phạm Văn T bàn giao diện tích 265,2m<sup>2</sup> (vị trí 155b+155a+155c+ 155d) thuộc thửa đất 155, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre cho bà Huỳnh Thị Diễm .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thời gian bà Huỳnh Thị N và ông Phạm Văn T được lưu cư (ở lại) diện tích 265,2m<sup>2</sup> (vị trí 155b+155a+155c+ 155d) thuộc thửa đất 155, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre là từ ngày 25 tháng 7 năm 2024 đến ngày 16 tháng 02 năm 2025.

Ghi nhận ý kiến của bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị N, ông Phạm Văn T hiện nay bà Phạm Huỳnh Quế A không có trực tiếp sử dụng diện tích 265,2m<sup>2</sup> (vị trí 155b+155a+155c+ 155d) thuộc thửa đất 155, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ghi nhận bà Huỳnh Thị N tự nguyện rút yêu cầu phản tố.

(Vị trí thừa đất, độ dài tứ cận có họa đồ kèm theo).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Huỳnh Thị N và ông Phạm Văn T là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ.

+ Bà Huỳnh Thị D phải nộp 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.500.000 (Mười triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007315 ngày 06 tháng 10 năm 2023 và 0001121 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phải hoàn lại cho bà Huỳnh Thị D số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng theo số biên lai nêu trên.

Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị D tự nguyện nộp là 9.718.000 (Chín triệu, bảy trăm mười tám nghìn) đồng và đã nộp xong.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Phê**